



GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN VIMUTTI MAGGA

Thiền Nhứt chuyển dịch sang tiếng Việt



PHẦN TÌM HIỂU

Phần Tìm Hiểu Phẩm 6: *Phân biệt Tánh hạnh*

Chuyển tiếp: Trong các Phẩm trước, Luận văn bàn đến sự chuẩn bị của người tu học về *Giới*, về *Định*, về cách tìm gặp bậc *Thiền tri thức* để theo học. Trong Phẩm 6 này, Luận văn chú trọng đến bốn phần của vị Thầy phải biết rõ *tánh hạnh* của đệ tử mà lựa cách chỉ dạy sao cho phù hợp.

032. Ý chánh Phẩm 6: *Phân biệt Tánh hạnh*.

Vị Thầy có biết rõ *tánh hạnh* của người đệ tử, thì việc giáo hoá mới chóng có hiệu quả. Vì sao? Vì biết chỗ *sở đoán* của đệ tử thì chỉ dạy nhiều để sửa đổi lại chỗ còn kém, vì biết được chỗ *sở trường* của đệ tử thì chỉ cần nói sơ qua cũng đủ cho trò biết mà làm tăng trưởng thêm chỗ đã khéo sẵn.

Phẩm 6 có mục đích là khảo sát *tánh hạnh* của người học trò, để dễ bề giáo hoá. Đó là *ý chánh* của Phẩm này.

Nội dung của Phẩm nói về nhiều loại *tánh hạnh*, mới đọc qua thấy rối rắm; nhưng sau cùng, các loại *tánh hạnh* được Luận văn qui về ba loại chánh dựa trên ba phiền não: *tham, sân và si*, nhờ đó mà ta dễ xét *tánh* người qua các hành động.

Phần khá hứng thú của Phẩm 6 là chỉ các cách dò xét *tánh hạnh* của người đệ tử, qua lối ăn mặc, đi đứng, nằm ngồi, quét sân, v.v. cho thấy hành động và cử chỉ của người tham lam, người hay giận, người còn ngu si khác nhau rất rõ rệt.

032. Dàn bài của Phẩm 6: *Phân biệt Tánh hạnh*

I. *Nhập đề:* Quan sát *tánh hạnh* của người đệ tử, rồi sau mới định đường lối giáo hoá.

II. *Thân bài:*

A) *Các loại tánh hạnh:*

1. Mười bốn loại *tánh hạnh*
2. Mười bốn hạng người.

B) *Các tánh hạnh* qui về bảy loại:

1. Bảy loại tánh hạnh.
2. Do đâu người tánh ham và người tánh hay tin tưởng cùng chung một hạng.
3. Do đâu người hay giận với người có ý cùng chung một hạng.
4. Do đâu người tánh ngu và người tánh hiểu biết cùng chung một hạng.

C) Tại sao có tu hành mau và tu hành chậm?

D) Tánh hạnh do nhân duyên nào mà có?

E) Quan sát hành động để biết tánh hạnh: (1) cách nhìn vật; (2) cách đi; (3) cách mặc áo; (4) cách ăn; (5) cách quét sân; (6) cách nằm.

F) Lời khuyên về cách mặc áo, cách ăn, cách nằm, và về trú xứ, cho các tu sĩ xuất gia.

G) Linh tinh.

III. *Kết luận*: Luận văn chẳng có phần kết luận tại Phẩm 6 này.

033. Tìm hiểu nghĩa các chữ khó:

Tánh hạnh = tánh tình; nguyên văn trong bộ Luận chỉ ghi là *hạnh*, khi xét đến tánh tình, e hiểu lầm với *giới hạnh*.

A-xà-lê: xem lại nghĩa ở Phẩm 3: *Đâu-đà*, trang 358.

Tánh ý trí: Nguyên văn trong bộ Luận là *ý hạnh*, tôi thêm chữ *trí* vào, để chỉ hạng người mà trí có nhiều ý kiến.

Tánh hiểu biết: Nguyên văn trong bộ Luận đề là *giác hạnh*, e có sự hiểu lầm với *giác ngộ*, tôi mạn phép dịch là *tánh hiểu biết*.

Tánh hạnh đồng phần: Nguyên văn là *đẳng phần hạnh*, có nghĩa là nơi hạng người này có cả ba phiền não *tham, sân và si*, đồng đều nhau, nghĩa là vừa tham lại hay giận và vì thế mà thành ra cũng ngu.

Ái kiến: *Ái* = thương; ở đây chữ *ái* có nghĩa chẳng tốt là quá thích, mê thích. *Ái kiến* là một tà kiến, cần diệt bỏ như thường kiến, đoạn kiến và thân kiến. Đùng lầm với *bác ái*.

Tương ưng, tương ứng: *Tương* = gần nhau; *Ứng* hay *Ứng* là tùy theo đó mà khởi lên. *Tương ưng* là có liên hệ chặt chẽ với, ăn khớp với, phù hợp với, v.v.

Ham muốn: Nguyên văn trong bộ Luận là *Dục*, nghĩa là *muốn*. Muốn thì có thể là muốn điều tốt, hay muốn điều xấu; do đó chữ *dục* chưa hẳn là có nghĩa xấu. Nhưng khi đi kèm với các chữ khác như *ái dục, tham dục, dục vọng*, nghĩa chữ *dục* trở thành xấu đi.

Khả ái: *Khả* = có thể; *ái* = yêu, thích. Điều *khả ái* là điều đáng thích. Trái với *khả ái* là *khả ố*, đáng ghét.

Công đức: ở đây, chữ *công đức* có nghĩa là những ích lợi. Thường chữ *công đức* được dùng để chỉ những hành vi có tánh cách đạo đức, đem lại phước báu cho hành giả. Gần nghĩa với chữ *công đức* có chữ *phước đức*. Tuy nhiên về mặt chuyên môn, Phật học phân biệt giữa hai chữ *công đức* và *phước đức*. *Công đức* thì mang đến phước báu *vô lậu*, còn *phước đức* mang

lại phước báu *hữu lậu*. Khác nhau giữa phước *hữu lậu* và *vô lậu* là ở chỗ, *hữu lậu* thì còn phiền não, phước này có hạn lượng, hưởng riết rồi sẽ hết; còn phước *vô lậu* chẳng còn phiền não, lại vô hạn, vô lượng nữa. Thí dụ: bồ thí thông thường mang đến phước *hữu lậu*, như sẽ được giàu sang, sung sướng về sau, hay ở kiếp sau; còn bồ thí ba-la-mật mang lại *phước vô lậu* như được giải thoát, chẳng còn phải tái sanh trong vòng Luân hồi nữa.

Ôn cố: *Ôn* = yên, an ôn; *Cố* = vững chắc. *Ôn cố* có nghĩa là bền vững, chẳng lung lay.

Qui hướng: *Qui* = quay về; *Hướng* = chiều hướng. *Chẳng có nơi qui hướng*, ý muốn nói chẳng có chỗ để trụ lại, chẳng có điểm để quay về, cứ chạy đi mãi.

Khinh an: *Khinh* = nhẹ; *An* = yên. *Khinh an* = vừa nhẹ vừa yên; ở đây có nghĩa là dễ dàng, mềm dẻo.

Tín lực: *Tín* = tin tưởng; *Lực* = sức mạnh. *Tín lực* là sức mạnh của niềm tin.

Cõi Thiên đường = cõi Trời.

Ly gián: *Ly* = lià xa, làm cho chia lià nhau ra; *Gián* = ngăn cách. *Ly gián* là khiến cho lià xa.

Ưu điểm: *Ưu* = tốt hơn, thắng hơn. *Ưu điểm* là điểm thắng hơn, điểm tốt đẹp.

Sở trường: *Sở* = chỗ, nơi; *Trường* = dài. *Sở trường* là những ưu điểm của một người, chỗ hay khéo.

Trái với *sở trường* là **sở đoản**, tức là các khuyết điểm, chỗ kém. (*đoản* = ngắn).

Huyền hoặc = chuyện chẳng có thật, mơ hồ, vu vơ chẳng đúng với Sự thật.

Tròn thẳng: Nguyên văn trong bộ Luận là *chu chính* = tròn thẳng; *viên* = tròn. Vì mặc áo cà-sa rộng, nên trông như tròn; vì áo chẳng nhăn nheo, nên thẳng [Phiên dịch hơi gượng].

Trú xứ: *Trú* = nơi ăn chốn ở; *Xứ* = nơi, chốn. *Trú xứ* là nơi trú ngụ, chỗ ăn ở.

Nô lệ = kẻ đầy tớ làm tôi đòi suốt đời cho chủ, chẳng có được tự do cá nhân.

Sắc dục: *Sắc* = hình sắc; *Dục* là ham muốn. Ráp hai chữ lại, *sắc dục* thường chỉ sự ham muốn về sắc đẹp phụ nữ.

Đoạn trừ: *Đoạn* = cắt đứt; *Trừ* = bỏ đi. *Đoạn trừ* là trừ bỏ đi, chẳng giữ lại nữa.

034. Tìm hiểu về nội dung của Phẩm 6.

1) Mục đích của Phẩm 6.

Phẩm 6 vừa mở đầu đã kể tới mười bốn loại *tánh hạnh*, khiến người đọc thấy quá rối rắm. Nhưng mục đích của Phẩm này là tìm hiểu về tánh tình người đệ tử, xem chỗ nào còn khuyết điểm nhiều mà dạy cách tu sửa lại, nên chẳng cần biết đủ cả 14 loại. Và lại sự phân biệt thành 14 loại cũng qui về ba *phiền não căn bản* là *tham, sân và si*. Vấn đề là xét xem người đệ tử có tham nhiều hay sân nhiều, hoặc còn quá ngu si, mà định đường lối chỉ dạy và tu tập. Do đó, chỉ cần biết rõ ba hạng người: ai là người *tham nhiều*, ai là người *hay giận*, ai là người còn chậm lụt *ngu si*.

Với nhận xét này, thì *mười bốn hạng tánh hạnh* chia ra:

11. tánh hạnh thuộc hạng *tham*, gồm có:

111. tánh hạnh *ham muốn*,
112. tánh hạnh *ham và hay giận*,
113. tánh hạnh *ham và ngu si*,
114. tánh hạnh *đồng phân: vừa tham, giận, ngu*.

12. tánh hạnh thuộc hạng *hay giận hờn*, gồm có:

121. tánh hạnh *hay giận hờn*,
122. tánh hạnh *hay giận và ngu*,

13. tánh hạnh thuộc hạng *hay ngu si*: tánh hạnh *ngu si*

14. tánh hạnh thuộc hạng *hay tin tưởng*:

141. tánh hạnh *hay tin tưởng*,
142. tánh hạnh *hay tin tưởng và có ý trí*,
143. tánh hạnh *hay tin tưởng và hiểu biết*,
144. tánh hạnh *đồng phân: vừa có tin tưởng, vừa có ý kiến và vừa có hiểu biết*.

15. tánh hạnh thuộc hạng *hay có ý trí*.

151. tánh hạnh *hay có ý trí*,
152. tánh hạnh *hay có ý trí và hiểu biết*.

16. tánh hạnh thuộc hạng *hay có sự hiểu biết*.

161. tánh hạnh *hay có sự hiểu biết*,
162. tánh hạnh *hiểu biết và tin tưởng*.

Theo bảng phân loại trên, 14 loại tánh hạnh chia ra:

- tánh hạnh có **khuyết điểm** *tham, sân và si*: từ số 111 đến số 114 là những người tánh hạnh *tham nhiều*; số 121 và 122 là những người tánh hạnh *hay giận nhiều*; và số 13 là người tánh hạnh *ngu nhiều*.

- tánh hạnh có **ưu điểm** *niềm tin, ý trí và hiểu biết*: từ số 141 đến số 144 là những người tánh hạnh *tin tưởng nhiều*; số 151 và 152 là những người tánh hạnh *ý kiến nhiều*; số 161 và 162 là những người tánh hạnh *có hiểu biết nhiều*.

Như thế, ta có thể qui 14 loại tánh hạnh thành ra *hai loại mà thôi*: (1) hạng người tánh hạnh có nhiều *sở đoản*, (2) hạng người tánh hạnh có nhiều *sở trường*.

Và chiếu theo các *sở đoản của đệ tử*, vị Thầy chỉ dạy cách dẹp bỏ hết đi, và chiếu theo các *sở trường của đệ tử*, vị ấy chỉ dạy cách làm cho tăng trưởng thêm.

035. Tánh hạnh là động cơ bên trong thúc đẩy ra hành động ở bên ngoài, tạo thành nghiệp.

Như có ba phương tiện di chuyển: xe gắn máy, xe hơi và phi cơ, mỗi loại có động cơ mạnh yếu khác nhau khiến cho việc di chuyển nhanh, chậm cũng khác nhau. Cùng thế ấy, **tánh hạnh là một loại động cơ nằm ẩn bên trong**, thúc đẩy con người hành động, rồi tạo ra *nghiệp*; tánh hạnh lành sanh ra hành động thiện, dẫn đến nghiệp tốt ở cõi an nhàn; tánh hạnh dữ sanh ra hành động xấu, dẫn đến nghiệp ác ở cõi khổ cực.

Nói rộng thêm về thí dụ động cơ trên, *tham, sân, si* là những động cơ xấu; còn *niềm tin, ý trí* và *sự hiểu biết* là những động cơ tốt. Tánh hạnh con người chẳng phải thuần là tốt, hay trọn là

xấu, mà cũng có lúc lành, cũng có lúc bất thiện. Đã là người còn *si mê* mà lại thêm tánh *hay tham*, thường nổi *giận* nữa, thì việc tu sửa theo con đường lành hẳn phải khó nhọc. Nhưng nếu tự biết mình *ngu si*, mà có được niềm *tin tưởng* nơi *Phật pháp*, chịu khó gần người có *ý trí* và *hiểu biết* để học thêm, thì việc sửa đổi tánh hạnh cũng chẳng khó đến mức chẳng làm nổi.

Với các nhận xét này, đọc lại đoạn *tu mau, tu chậm* trong Luận văn, sẽ thấy dễ hiểu hơn.

036. Tại sao hai tánh trái ngược nhau mà lại có chung một tướng?

Tánh hạnh thường biểu lộ ra ngoài, cho người khác thấy, bằng hình *tướng*. Thí dụ như người tánh vụng về, khi rót nước đổ tràn ra ngoài; nhìn thấy nước đổ, biết đó là *tướng* của người có *tánh vụng về*. Dựa theo nhận xét đó, ta sẽ thấy:

1) Hai người tánh hạnh trái ngược nhau, như người *hay giận* và người *có ý trí*, nhưng hành động của họ lại biểu lộ ra cùng chung một *tướng*: người *hay giận* cứ xét đến lỗi lầm của kẻ khác, còn người *có ý trí* cứ thấy những chỗ còn thiếu sót khiến cho hành vi chẳng được tốt như ý người ấy đang chờ đợi. Chính cái chỗ *soi mói* (của người *hay giận*), chỗ nhìn kỹ *tỉ mỉ* (của người *có ý trí*) là *tướng chung* cho cả hai tánh hạnh khác nhau và đối chọi nhau. Vì lẽ này mà Luận văn đã xếp họ cùng chung một "hạng". (Tôi thấy chữ *hạng* này không được chính cho lắm, vì với người *hay giận*, tánh phải thấp hơn người kia; có lẽ nên dùng chữ *nhóm*, vì trong một nhóm chẳng có sự phân chia cao thấp).

Người tánh hạnh *hay giận*, nếu biết chuyển hướng tánh hay *soi mói lỗi lầm kẻ khác* sang qua thành sự *xét nét tỉ mỉ các hành động chẳng lành để tránh đi*, thì sự tu hành sẽ có nhiều tấn bộ đáng kể, chẳng kém gì người *có ý trí*.

2) Hai người, tánh hạnh *hay ham muốn* và tánh hạnh *hay tin tưởng*, có chung một *tướng* trong hành động khác nhau: *tướng* đó là tướng *bám níu* đối người *hay ham muốn*, tướng *giữ vững* đối với người *hay tin tưởng*. Người ham muốn cứ bám níu vào sự ham muốn của mình; còn người hay tin tưởng thì cứ một mực giữ vững niềm tin của mình.

Người tánh hạnh *hay ham muốn* nếu đem sự *bám chặt vào sự việc ham muốn* chuyển hướng sang sự ham biết và *tin tưởng* nơi Chánh pháp, việc tu hành sẽ chóng có kết quả.

3) Hai người, tánh hạnh *ngu si* và tánh hạnh *hiểu biết*, lại cũng có chung một *tướng* trong hành động khác nhau: *tướng* đó là sự *đi động*, vì tâm trí của họ cứ đi động, chẳng chịu ở yên. Người *ngu* gặp việc cứ loay hoay tìm hiểu mà chẳng hiểu được; còn người *trí* gặp việc cứ xét hết điểm này đến điểm kia chẳng ngừng. Vì chẳng ổn cố, nên *trí* người *ngu* cứ đi động lằng xằng trong cảnh mê mờ, còn người *có hiểu biết nhiều*, trí cứ mãi cân phân trong cái mờ bóng bong ý kiến.

Nếu cả hai sớm biết ổn định tâm trí lại, qui hướng tâm trí sang việc tìm hiểu Chánh pháp, thì sự tiến bộ trong việc tu hành có kết quả mau chóng rõ rệt.

Với các nhận xét vừa kể, việc tìm hiểu các câu hỏi:

- Tại sao người tánh *hay giận* và người tánh *tin tưởng* lại thành một hạng?
- Tại sao người tánh *hay giận* và tánh *có ý trí* lại cùng một loại?
- Tại sao người tánh *ngu* với người tánh *hiểu biết* lại thành một hạng?

và về việc *tu mau tu chậm*, sẽ hiểu được dễ dàng hơn.

037. Tánh hạnh khởi sanh do nguyên nhân nào?

Luận văn đưa ra *ba nguyên nhân* tạo thành tánh hạnh ngày nay: (1) do *kiếp trước*, (2) do các *giới*, (3) do các *lỗi lầm*.

Trong ba nguyên nhân này, nguyên nhân thứ nhất, về hành động đã có từ các kiếp trước, ta chẳng thể thấy rõ được.

Về nguyên nhân thứ hai: *gần các giới: địa, thủy, phong, hỏa*, rất khó hiểu, tại sao gần địa giới và thủy giới lại sanh tánh ngu si được, Luận văn chẳng có lời giải thích. Về nguyên nhân thứ ba, tuy gọi là *do các lỗi lầm*, nhưng Luận văn lại nói đến cơ thể của người có nhiều *đâm dùi*, có nhiều *gió*. Có lẽ nên hiểu nguyên nhân này là: *do cơ thể, do khí chất* khác nhau nên sanh ra tánh hạnh khác nhau.

Chẳng thấy Luận văn nêu hai nguyên nhân quan trọng sau đây có ảnh hưởng rất lớn đối với tánh hạnh của con người:

(1) *do di truyền* hoặc *do truyền thống*. Thường tình thì cha dữ khó lòng sanh được con hiền, vì giống máu di truyền. Truyền thống trong gia đình sống theo lễ giáo, thường thấy có đoàn con hiền, bầy cháu thảo.

(2) *do hoàn cảnh sanh sống*. Vì phải ứng phó với cuộc tranh đấu sống còn, tánh hạnh cũng vì thế mà có thể trở nên hiếu chiến hơn là hiếu hoà. Người sống vùng thôn quê thường chơn chất, thật thà hơn kẻ sanh hoạt nơi thành thị., v.v.

038. Cách quan sát người để biết tánh hạnh.

Đoạn văn ở các trang 59 đến trang 63 trong Luận văn mô tả rất đầy đủ và rất khéo léo *cách thức quan sát thái độ* một người để *phán đoán tánh hạnh* của người đó. Chỉ xin phép được thêm một đôi điều: tánh hạnh con người phần lớn tỏ lộ ra trong *lời nói, giọng nói và cách ăn uống*. Lời nói cầu kỳ, giọng nói biếm nhẽ hàm chứa bên trong một tánh hạnh nham hiểm. Ăn vội vàng, nhai nhóc nhách để lộ tánh hạnh hấp tấp, thiếu chừng chạc, v.v.

039. Suy gẫm về Phẩm 6: Phân biệt tánh hạnh.

1) Thường nghe nói "*tu tâm, dưỡng tánh*", Phẩm 6 này bàn qua các *tánh hạnh*, tánh hạnh nào nên tu sửa, tánh hạnh nào dưỡng nuôi thêm lớn. Sửa được *tánh hạnh* là điều rất khó, khó lắm, vì tánh hạnh đã ăn sâu vào tâm khảm, nhưt thời chẳng thể chuyển hoá được. Muốn thành công, ít nhưt, cần đến hai việc: (1) tìm đúng thuốc để đối trị; (2) bền chí chữa trị.

Kinh sách thường nói: người *tham* thì dùng phép *bố thí* để chữa trị. Tại sao? *Tham lam* sanh ra vì tâm còn bôn sên và rít róng. Dùng *bố thí*, lấy sự xả bỏ công của khiến cho sự bôn sên chẳng được dịp này sanh và tồn tại. Nhưng lại cần phải bền chí, thực hành *bố thí* lâu ngày, chày tháng, mới mong diệt bụng tham lam. Vì sao vậy? Vì đã hết tham của vật chất, thì cũng vẫn còn tham *được phước sau này* khi *bố thí*, dầu tham đó chẳng có chi đáng trách, nhưng cũng vẫn còn là ... *tham!*

2) Tánh *tham*, tánh *giận* còn có thể dễ trị, vì gốc *tham* (bụng bôn sên) ở nơi mình, gốc *giận* (vì lòng tự ái) cũng ở nơi mình, muốn trị xong thì cứ ngay trong bụng mình mà ... trị. Chỉ có tánh *ngu* là khó trị, vì trí thông minh dầu cho là chẳng phải nơi thiên phú, bẩm sanh đi nữa, nhưng cũng phải nhìn nhận rằng có người vốn sẵn căn cơ cùn nhụt, làm sao mà biến đổi chỗ cùn nhụt đó phút chốc trở thành bén nhạy được. Thế mà, trong Kinh Pháp Cú, có một tích chuyện về một người đệ tử của Phật, học bài kệ bốn câu, thuộc câu đầu thì quên câu chót, học lại câu chót thì quên mất câu đầu. Đó là tích chuyện Ngài Tiểu Phan, nơi bài Kệ số 25, được Đức Phật chỉ dạy có hai chữ mà phá tan được màn vô minh (= *ngu si*) đặc quánh A-la-hán.

Để chấm dứt Phần Tim hiểu Phẩm 6: *Phân biệt Tánh hạnh*, xin chép lại trọn bài trong Kinh Pháp Cú, như sau:

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu viện Trúc Lâm, trong một kỳ giảng pháp, có đề cập đến Tôn giả Tiểu Phan-tha-ca (Bàn-đặc), vị Tỳ-kheo chậm hiểu mà mau quên.

Tiểu Phan tha ca cùng với anh là Đại Phan-tha-ca, là cháu nội của một vị giám đốc ngân hàng; vị này thường dẫn hai cháu đi nghe giảng pháp. Về sau Đại Phan-tha-ca gia nhập Tăng đoàn, chẳng bao lâu chúng được đạo quả A-la-hán.

Tiểu Phan-tha-ca cũng theo chon anh, đi xuất gia, nhưng vì trí thông minh chậm lụt, học đâu quên đó, một bài kệ bốn câu, thuộc câu chót thì quên mất câu đầu. Đó là vì trong tiền kiếp, vào thời Đức Phật Ca-diếp, Tiểu Phan đã trêu chọc một vị Tăng nhơn ngu tối, cho nên kiếp này phải sanh ra chậm hiểu mà mau quên. Anh là Đại Phan rất thất vọng về Tiểu Phan, lại thường nói Tiểu Phan chẳng xứng đáng làm Tỳ-kheo trong Tăng đoàn.

Vào độ ấy, có cư sĩ Di-hoa-ca đến đánh lễ Phật và thỉnh Phật cùng chư Tăng về nhà để dâng cúng thực phẩm. Đức Phật nhận lời. Đại Phan lúc bấy giờ chịu trách nhiệm sắp xếp để chư Tăng đi thọ thực. Trong danh sách, tất cả tăng chúng đều được mời đi, nhưng Đại Phan lại bỏ tên của Tiểu Phan ra. Khi Tiểu Phan biết được tin ấy, liền sanh ra ưu phiền, cho rằng mình chẳng xứng đáng, mới tính trở về nhà, hoàn tục. Đức Phật đọc rõ ý định đau buồn đó của Tiểu Phan, mới gọi Tiểu Phan theo Ngài về *Hương phòng*. Đức Phật lấy ra một cái khăn trắng, bảo Tiểu Phan ngồi xuống, cầm lấy khăn, mặt hướng về phương Đông, tay chà khăn, miệng đọc hai tiếng: "*Lau sạch!*". Sau đó, Đức Phật liền lên đường đến nhà cư sĩ Di hoa ca.

Ngồi trong hương phòng, Tiểu Phan chăm chú làm theo lời Phật dạy, tay chà khăn, miệng đọc: "*Lau sạch!*" chẳng hề ngừng nghỉ. Chẳng bao lâu, cái khăn trắng dính dơ, đổi thành màu ngà ngà. Miệng vẫn đọc, tay vẫn chà, Tiểu Phan nhận thấy sự biến đổi của cái khăn và đồng thời trong tâm quán tưởng được *tánh cách vô thường của mọi vật hữu vi*. Bấy giờ Đức Phật, từ nhà của Di hoa ca, đọc được tư tưởng đó của Tiểu Phan, Ngài liền dùng thần thông chiếu hào quang lên và hoá hình ra ngồi trước mặt Tiểu Phan. Ngài bảo Tiểu Phan: "*Chẳng phải chỉ có cái khăn bị dính bụi dơ mà thôi đâu, bên trong tâm mọi người có ba chất bản là tham, sân, si. Nếu biết "lau sạch" ba chất dơ đó trong tâm, thì Tỳ-kheo sẽ đạt được mục tiêu và chứng đắc đạo quả A-la-hán.*" Tiểu Phan nghe nhận được lời Phật dạy, tiếp tục quán tưởng, và chẳng bao lâu liền chứng đắc quả vị A-la-hán, gột rửa được chỗ u tối trong tâm trí.

Vào lúc ấy, nơi nhà cư sĩ Di-hoa-ca đang sửa soạn dâng thực phẩm lên Đức Phật và tăng chúng. Đức Phật liền lấy tay che bát lại, và nói: "*Còn thiếu một Tỳ-kheo, chưa được mời đến dự.*" Cư sĩ vội sai người chạy đến tu viện Trúc Lâm; rồi một lát sau, Tỳ-kheo Tiểu Phan-tha-ca theo người đầy tớ của cư sĩ bước vào nhà. Sau khi thọ thực xong, Đức Phật mời Tiểu Phan thuyết pháp. Bấy giờ, Tiểu Phan với lòng đầy tự tin, nói thao thao bất tuyệt, giọng như con sư tử rống!

Khi trở về tịnh xá, chúng Tăng bày tỏ sự ngạc nhiên, thấy Tiểu Phan thuyết pháp rất hay, Đức Phật liền thuật lại việc Tiểu Phan đã tập luyện với hai tiếng "*Lau sạch*" một cách tinh cần, khẩn thiết, nên đã chứng đắc quả Thánh.

Rồi Đức Phật đọc lên bài Kệ sau đây:

*Bằng vào tinh giác và nỗ lực,
Giới đức cao, điều phục các căn;
Xem kia bực trí xây hòn đảo,
Lũ lụt dẫu to khó ngập tràn. (Kệ số 025)*

Xin ghi chú thêm:

Tiểu Phan-tha-ca, nguyên là tiếng Pàli *Cùla Panthaka*, chữ *Cùla* có nghĩa là nhỏ, tiểu. Còn *Đại Phan-tha-ca*, tiếng Pàli là *Mahà Panthaka*, *Mahà* là lớn, đại. Đó là tên được Việt hoá. Trung hoa phiên âm tên *Cùla Panthaka* là *Châu-lợi Bàn-đà-già* (hay *Bàn-đặc*).

Di-hoa-ca = tiếng Pàli là *Jivaka*.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phần Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)
Phần tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 16-01-2004